|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  Số: /2020/TT-BNNPTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của**

**Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2013**

**về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2013 hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng”.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Thông tư 16/2013/TT-BNNPTNT) như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết về xác lập quyền; đình chỉ; hủy bỏ quyền đối với giống cây trồng; đại diện quyền đối với giống cây trồng; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Xử lý ý kiến phản đối của Bên thứ ba**

Kể từ ngày đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được công bố trên tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Website pvpo.mard.gov.vn đến trước khi ra quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng, bất kỳ Bên thứ ba nào cũng có quyền có ý kiến về việc cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng. Bên thứ ba gửi ý kiến phản đối bằng văn bản, kèm theo chứng cứ chứng minh đến Cục Trồng trọt để giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, Sở hữu trí tuệ, Trồng trọt và pháp luật khác có liên quan”.

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

**“Điều 5a.** **Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này**

1. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Tùy theo điều kiện tiếp nhận, trả kết quả của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax):

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có đóng dấu của cơ sở đối với văn bản do cơ sở ban hành;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính;

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ; trường hợp nhận đơn đăng ký bảo hộ, nộp 02 bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 88/2010/NĐ-CP.

3. Thời gian trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cục Trồng trọt;

b) Trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Cục Trồng trọt kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

4. Cách thức nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành trực tiếp tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Cách thức trả kết quả: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

6. Trong Nghị định này có nội dung quy định khác với quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

7. Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt được công chứng hoặc bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.

8. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đã nộp”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi**

Giống cây trồng được biết đến rộng rãi là giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Giống cây trồng mà vật liệu nhân giống hoặc vật liệu thu hoạch của giống đó được sử dụng một cách rộng rãi trên thị trường Việt Nam hoặc ở bất kỳ quốc gia nào tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ.

2. Giống cây trồng được bảo hộ hoặc được công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành tại Việt Nam hoặc thuộc danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh ở bất kỳ quốc gia thành viên UPOV nào.

3. Giống cây trồng là đối tượng trong đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Quyết định lưu hành hoặc hồ sơ đề nghị tự công bố lưu hành tại Việt Nam hoặc vào Danh mục giống bất kỳ ở quốc gia thành viên UPOV nào, nếu các đơn này không bị từ chối”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Biểu mẫu về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng**

1. Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Mẫu Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Các biểu mẫu khác được quy định tại các khoản …. đến khoản… Điều 1 của Thông tư này”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Phí, lệ phí bảo hộ quyền đối với giống cây trồng**

1. Phí, lệ phí liên quan đến bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được thực hiện theo các văn bản liên quan của Bộ Tài chính có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

2. Thời hạn nộp phí duy trì hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

**“Điều 9. Nhận đơn, chuyển giao, chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng gồm các tài liệu quy định tại Điều 174 Luật sở hữu trí tuệ gồm:

a) Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại quy phạm khảo nghiệm DUS của từng loài cây trồng;

- Tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đối với giống đăng ký thuộc các loài chưa có tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm của UPOV và của Việt Nam;

- Với các loài đã có tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm của Việt Nam, sử dụng mẫu Tờ khai kỹ thuật trong tài liệu hướng dẫn để đăng ký;

- Với các loài Việt Nam chưa có tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm, mẫu tờ khai kỹ thuật trong Tài liệu hướng dẫn của UPOV được sử dụng để đăng ký bảo hộ.

c) Giấy uỷ quyền theo mẫu tại Phụ lục 7 kèm Thông tư này (nếu nộp đơn thông qua đại diện);

d) Ảnh chụp mẫu giống: Tối thiểu 03 ảnh màu thể hiện 3 tính trạng đặc trưng của giống, kích cỡ tối thiểu 9cm x 15 cm;

2. Ngày nhận đơn theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 là ngày gửi đơn theo dấu bưu điện tại nơi đến.

3. Thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này.

4. Trước khi Cục Trồng trọt ra quyết định cấp Bằng bảo hộ hoặc thông báo từ chối cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, chủ đơn có quyền chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho người khác. Bên nhận chuyển nhượng đơn đăng ký trở thành chủ đơn. Việc chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ được làm thành hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/2010/NĐ-CP.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

1. Trước thời điểm cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, tổ chức, cá nhân được sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ trong các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn nhưng không được làm thay đổi bản chất đơn đăng ký bảo hộ: lỗi chính tả về tên, địa chỉ của chủ sở hữu, tác giả giống, tên giống cây trồng;

b) Thay đổi tên, địa chỉ của chủ sở hữu, tác giả;

c) Thay đổi chủ sở hữu, tác giả do chuyển nhượng đơn theo hợp đồng hoặc thừa kế, kế thừa.

2. Hồ sơ:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo mẫu tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực: Quyết định đổi tên, địa chỉ hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh có ghi nhận việc thay đổi tên, địa chỉ hoặc hợp đồng chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ hoặc tài liệu chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng;

c) Giấy uỷ quyền theo mẫu tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này trong trường hợp thay đổi đại diện.

3. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Chủ đơn bổ sung, sửa đổi trong khoảng thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bổ sung, sửa đổi;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn phải được gửi tới Chủ đơn đồng thời công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Các yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng làm thay đổi bản chất của đơn khi không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**Điều 16. Khảo nghiệm DUS do người nộp đơn thực hiện**

1. Ngoài các tài liệu theo quy định tại Điều 174 Luật Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn tự thực hiện khảo nghiệm DUS đối với giống của mình phải nộp bổ sung cho Cục Trồng trọt các tài liệu sau đây:

a) Bản kê khai chi tiết điều kiện để được tự khảo nghiệm theo mẫu tại Phụ lục 8 của Thông tư này, phù hợp với yêu cầu cụ thể tại tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm DUS đối với từng loài cây trồng;

b) Kế hoạch khảo nghiệm theo mẫu tại Phụ lục 9 của Thông tư này.

2. Cục Trồng trọt xem xét hồ sơ, giao người nộp đơn liên hệ với Tổ chức Khảo nghiệm giống cây trồng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khảo nghiệm DUS do người nộp đơn thực hiện được công nhận theo quy định tại Điều 21 Luật Trồng trọt và Điều 7 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

Đối với các loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm của UPOV hoặc của Việt Nam thì thực hiện theo tài liệu đã có; với loài cây trồng chưa có tài liệu hướng dẫn, thực hiện theo tài liệu hướng dẫn do Cục trồng trọt ban hành.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“**Điều 17. Thời hạn nộp mẫu giống, quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng**

1. Thời hạn nộp mẫu giống thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 88/2010/NĐ-CP.

2. Quản lý và sử dụng mẫu giống:

a) Mẫu giống phải được lưu giữ trong thời hạn 25 năm đối với cây thân gỗ và cây leo thân gỗ, 20 năm đối với các cây trồng khác. Việc lưu giữ mẫu giống thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18, Nghị định 88/2010/NĐ-CP;

b) Số lượng và chất lượng mẫu giống được lưu giữ theo quy định của Cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật hoặc cơ quan lưu giữ mẫu giống;

c) Việc sử dụng mẫu giống lưu vào các mục đích khác ngoài các công việc như: khảo nghiệm kỹ thuật, kiểm nghiệm, kiểm định nhằm xác định giống hoặc giải quyết tranh chấp, khiếu kiện phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ sở hữu giống cây trồng;

d) Thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật theo quy định tại Điều 19 Nghị định 88/2010/NĐ-CP chỉ được thực hiện với kết quả khảo nghiệm kỹ thuật được tiến hành đối với mẫu giống do Chủ sở hữu giống nộp sau ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ.

3. Cung cấp mẫu giống

a) Trường hợp cần thiết, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Luật sở hữu trí tuệ, Chủ sở hữu giống cây trồng có nghĩa vụ cung cấp mẫu giống bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;

b) Chủ sở hữu giống cây trồng có trách nhiệm cung cấp mẫu giống bổ sung có độ đúng giống đúng với mẫu giống cây trồng đã cung cấp tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“**Điều 19. Cấp bằng bảo hộ giống cây trồng**

1. Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng:

Trong các trường hợp sau, Cục trưởng Cục Trồng trọt ban hành Quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng:

a) Cấp mới Bằng bảo hộ theo mẫu tại Phụ lục 12 sau khi Văn phòng bảo hộ giống cây trồng hoàn thành thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật như quy định tại Điều 20 Nghị định 88/NĐ-CP;

b) Trường hợp bằng bị rách, hỏng, mất hoặc đổi chủ sở hữu, chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng có quyền yêu cầu cấp lại hoặc đổi bằng và phải trả phí theo quy định.

2. Trình tự thủ tục đổi, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng:

a) Chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng có quyền yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng trong trường hợp có thay đổi thông tin trong Bằng bảo hộ hoặc Bằng bảo hộ giống cây trồng bị mất hoặc rách, hỏng đến mức không đọc được. Yêu cầu cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng phải được thể hiện bằng văn bản với đầy đủ các thông tin: Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp lại bằng; lý do cấp lại kèm theo các tài liệu làm căn cứ cho yêu cầu cấp lại;

b) Trình tự thủ tục cấp lại bằng bảo hộ:

Việc thẩm định yêu cầu sửa đổi, cấp lại bằng bảo hộ hoàn thành trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc

Trường hợp yêu cầu sửa đổi, cấp lại bằng thiếu căn cứ pháp lý, Thông báo yêu cầu bổ sung các căn cứ trong đó ghi rõ lý do bổ sung được gửi tới Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi cấp lại bằng đồng thời ấn định thời gian bổ sung trong thời hạn ba mưới (30 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp yêu cầu sửa đổi, cấp lại bằng phù hợp với các quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các quy định pháp lý liên quan, Quyết định cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng được ban hành đồng thời công bố trên tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Trường hợp có ý kiến phản đối quyết định sửa đổi, cấp lại bằng của bên thứ ba, việc xử lý ý kiến thực hiện theo các quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này;

d) Quyết định cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Điều 20 Nghị định 88/2010/NĐ-CP được cấp sau 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định trên Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bằng bảo hộ được cấp lại phải ghi rõ: cấp sửa đổi hoặc cấp lại và số quyết định cấp lại bằng.

3. Hội đồng chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 88/NĐ-CP được thành lập trong các trường hợp sau:

a) Không chắc chắn về việc quyết định cấp hay không cấp bằng bảo hộ giống cây trồng;

b) Các tính trạng trong Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm được phê duyệt phục vụ thẩm định không thể hiện giống khác biệt rõ ràng và chắc chắn với giống so sánh nhưng có tính trạng ngoài Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm thể hiện sự khác biệt trong trường hợp cụ thể;

3. Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành gồm các thành viên sau đây:

a) Chuyên gia loài cây trồng mà giống đăng ký thuộc loài này và một chuyên gia pháp lý có hiểu biết về lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

b) Chuyên gia khảo nghiệm DUS;

c) Lãnh đạo Cục Trồng trọt;

d) Đại diện Văn phòng bảo hộ giống cây trồng; Cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“**Điều 20. Đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng**

1. Trình tự, thủ tục thực hiện việc đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng:

a) Quyết định đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 88/2010/NĐ-CP;

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 88/2010/NĐ-CP, Thông báo cho chủ sở hữu tiến hành các thủ tục gửi mẫu khảo nghiệm lại được gửi sau khi xác định được giống không đồng nhất và ổn định như tại thời điểm cấp bằng. Căn cứ kết quả khảo nghiệm kỹ thuật so sánh mẫu giống thu thập được với mẫu giống lưu do tác giả gửi tại thời điểm cấp bằng, Quyết định phục hồi hoặc không phục hồi được ban hành;

c) Trường hợp quy định tại điểm b) khoản 1 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ, Quyết định đình chỉ ghi rõ thời điểm đình chỉ được bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm hiệu lực mà Chủ sở hữu đã không nộp phí duy trì hiệu lực;

d) Trường hợp theo quy định tại các điểm a), c) và d) khoản 1 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ, Quyết định đình chỉ theo hạn thông báo trước đó đã gửi chủ sở hữu.

2. Phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng:

Trường hợp Chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng có yêu cầu phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ và các lý do bị đình chỉ đã được khắc phục, Cục trưởng Cục Trồng trọt ban hành Quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ và công bố quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng trên tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Yêu cầu phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng phải được thể hiện bằng văn bản trong đó có các thông tin: Tên, địa chỉ của Chủ sở hữu, số Bằng bảo hộ, tên giống, loài cây trồng, các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã khắc phục các lý do bị đình chỉ.

3. Hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng:

Quyết định hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng được ban hành và công bố trên tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sau khi xác định ý kiên phản đối của Bên thứ 3 về một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 171 luật sở hữu trí tuệ là đủ cản cứ pháp lý”.

**Điều 2. Bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT**

Bãi bỏ: Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Chương IV.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng ... năm ….

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng đã nộp trước thời điểm thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo các quy định của Thông tư 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2013;

b) Trình tự thủ tục cấp, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng áp dụng các quy định của Thông tư sửa đổi từ thời điểm Thông tư có hiệu lực.

3. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để kịp thời xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;  - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; Tổng cục Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng - Bộ NN & PTNT;  - Công báo Chính phủ;  - Website Chính phủ;  - Website Bộ NN&PTNT;  - Lưu: VT, TT. | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**  **Lê Quốc Doanh** |

**Phụ lục 1**

**TỜ KHAI KỸ THUẬT CHUNG CỦA UPOV**

**(Cho các loài chưa có tài liệu hướng dẫn)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**1. Giống đăng ký:** ....................................................................................................................................................................................

***1.1. Tên khoa học:*** ...................................................................................................................................................................................

***1.2. Tên thông thường:*** .......................................................................................................................................................................

**2. Tên chủ đơn (chủ sở hữu giống cây trồng)**

Chủ đơn: ............................................................................................................................................................................................

Địa chỉ: ..............................................................................................................................................................................................

Số điện thoại: ........................................................................................Email: ....................................................................

Tên tác giả (Nếu không phải chủ sở hữu): .......................................................................................................

**3. Tên gọi được đề xuất và ý kiến của tác giả**

Tên gọi được đề xuất (nếu đã có): ...........................................................................................................................

Ý kiến của tác giả: ..................................................................................................................................................................

**4. Thông tin về quá trình chọn tạo và nhân giống của giống đăng ký**

***4.1. Quá trình chọn tạo***

***4.1.1. Lai***

a. Lai có chủ đích (đề nghị nêu rõ tên bố mẹ) [ ]

Tên dòng mẹ (………………………..) x Tên dòng bố (……………………………………..)

b. Lai có một phần đã biết (đề nghị nêu rõ phần đã biết) [ ]

Tên dòng mẹ (…………………….……..) x Tên dòng bố (……………………..………..)

c. Lai không biết trước [ ]

***4.1.2. Đột biến (chỉ rõ giống gốc)***  [ ]

***4.1.3. Phát hiện và phát triển***  [ ]

***(chỉ rõ nơi và thời gian đã phát hiện và cách phát triển)***

***4.1.4. Khác (đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)* [ ]**

***4.2. Phương pháp nhân giống***

***4.2.1. Giống nhân bằng hạt***

a. Tự thụ [ ]

b. Giống sinh sản vô tính [ ]

c. Giao phấn [ ]

- Quần thể [ ]

- Do người thụ phấn [ ]

d. Ưu thế lai

- Lai đơn [ ]

- Lai ba [ ]

- Lai kép [ ]

- Giống lai bất dục đực [ ]

- Giống lai hữu dục đực [ ]

e. Dòng thuần [ ]

- Dòng bất dục đực [ ]

- Dòng hữu dục đực [ ]

f. Khác (đề nghị cung cấp chi tiết) [ ]

***4.2.2. Nhân giống vô tính***

a. Củ [ ]

b. Cành cắt [ ]

c. Nhân *Invitro* [ ]

d. Nhân chồi hoặc ghép [ ]

e. Tách [ ]

f. Rễ [ ]

g. Khác (chỉ rõ phương pháp) [ ]

***4.2.3. Khác (đề nghị cung cấp chi tiết***

Trường hợp đối với sơ đồ lai tạo các giống ưu thế lai được cung cấp trong một trang riêng biệt. Trang đó cần phải cung cấp chi tiết tất cả các dòng bố mẹ cần cho quá trình nhân giống lai này, chẳng hạn:

- Lai đơn: Tên dòng mẹ (………………..) x Tên dòng bố (………………..)

- Lai ba:

Tên dòng mẹ (………………..) x Tên dòng bố (………………..)

Lai đơn được sử dụng như dòng mẹ (……..) x Tên dòng bố (………..)

Và phải xác định cụ thể:

a. Dòng bất dục đực nào

b. Hệ thống duy trì dòng bất dục đực

**5. Giống điển hình** (*nếu xác định được giống điển hình, cần khai chi tiết theo bảng*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tính trạng** | **Giống điển hình** | **Mức độ biểu hiện** | **Mã số** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**6. Giống tương tự và sự khác biệt với giống tương tự và giống đăng ký**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên giống tương tự nhất với giống đăng ký (Nếu có)** | **Những tính trạng khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự** | **Biểu hiện tính trạng của giống tương tự** | **Biểu hiện tính trạng của giống đăng ký** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Ý kiến:

**7. Thông tin bổ sung có thể giúp thẩm định giống**

***7.1. Ngoài thông tin đã cung cấp ở mục 5 và 6, có thông tin nào có thể bổ sung để đánh giá tính khác biệt của giống đăng ký***

Có [ ] Không [ ] (Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

***7.2. Những điều kiện đặc biệt nào để lưu giữ giống hoặc để tiến hành thẩm định giống đăng ký***

Có [ ] Không [ ] (Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

***7.3. Thông tin khác***

**8. Giấy phép sản xuất**

**a. Giống có cần phải cấp giấy phép liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe con người và động vật trước khi đưa ra sản xuất không?**

Có [ ] Không [ ]

b. Đã có giấy phép nào được cấp chưa?

Có [ ] Không [ ] (Nếu đã được đề nghị gửi kèm giấy phép)

**9. Thông tin về vật liệu được thẩm định hoặc nộp để thẩm định**

Tính trạng của giống đăng ký có thể bị ảnh hưởng của các yếu tố như: sâu bệnh, hóa chất (chất kích thích sinh trưởng, thuốc BVTV), nuôi cấy mô, chồi sinh trưởng được lấy từ các giai đoạn sinh trưởng khác nhau của cây…..

Không xử lý giống, làm ảnh hưởng tới sự biểu hiện các tính trạng của giống nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc yêu cầu xử lý. Nếu giống đã được xử lý, đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về quá trình đó và chỉ rõ phương pháp theo sự hiểu biết:

a. Vi sinh vật (virus, nấm, chất kích thích sinh trưởng) Có [ ] Không [ ]

b. Hóa chất xử lý (chất kìm hãm sinh trưởng, thuốc BVTV Có [ ] Không [ ]

c. Nuôi cấy mô Có [ ] Không [ ]

d. Phương pháp khác Có [ ] Không [ ]

Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết đối với trường hợp *“có”*

Vật liệu giống cây trồng để thẩm định đã được kiểm tra nấm bệnh hoặc virus chưa?

Có [ ] (Đề nghị cung cấp chi tiết cơ quan thẩm quyền đã kiểm tra)

Không [ ]

10. Tôi xin cam đoan thông tin cung cấp trong Tờ khai này là chính xác và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *ngày tháng năm* |
|  | **CHỦ SỞ HỮU**  *(ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN**

**ĐĂNG KÝ/BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỜ KHAI**  **ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN**  **ĐĂNG KÝ/BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**  Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới  Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | **DẤU NHẬN ĐƠN**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* |
| **CHỦ ĐƠN**  (Tổ chức, cá nhân đăng ký chuyển nhượng đơn hoặc Bằng bảo hộ)  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | |
| **ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN**  là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn  là tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được uỷ quyền của chủ đơn  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | |
| **BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN**  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | |
| **ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG**  Tên giống cây trồng: Số đơn/số bằng bảo hộ: | |
| **CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai, gồm …….trang x …….bản  Hợp đồngchuyển nhượng  Văn bản đồng ý của các đồng sở hữu  Bằng bảo hộ(trường hợp chuyển nhượng bằng bảo hộ)  Tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định đối với giống tạo ra bằng ngân sách nhà nước  Giấy uỷ quyền  Chứng từ phí, lệ phí  Tài liệu khác, cụ thể | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* |
| **CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN**  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  ***Khai tại:……….ngày…… tháng……năm……***  Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn  *(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)* | |

**Phụ lục 3**

**TỜ KHAI YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO**

**QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*...., ngày tháng năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  **YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN**  **SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**  Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới  Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | DẤU NHẬN ĐƠN  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **CHỦ ĐƠN**  (Tổ chức, cá nhân đề nghị nhận chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng)  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | | |
| **ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN**  là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn  là tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được uỷ quyền của chủ đơn  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại: Fax: E-mai | | |
| **CHỦ SỞ HỮU BẰNG BẢO HỘ HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC CHUYỂN GIAO ĐỘC QUYỀN**  Tên đầy đủ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | | |
| **ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN NHẬN CHUYỂN GIAO**  - Đối tượng: Tên giống cây trồng được bảo hộ:  Số bằng: Ngày cấp:  - Phạm vi chuyển giao:  - Thời gian nhận chuyển giao: | | |
| **CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**      Tờ khai, gồm.......trang  Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất, kinh doanh giống cây trồng  Báo cáo năng lực tài chính  Tài liệu chứng minh cơ sở đề nghị chuyển giao bắt buộc, gồm......trang  Giấy uỷ quyền  Chứng từ lệ phí  Tài liệu khác, cụ thể: | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* |
| **CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN**  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại:*……….*ngày…… tháng……năm…*  Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn  *(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)* | | |

**Phụ lục 4**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN

*(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

Kính gửi:

Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới

Cục Trồng trọt

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

**1. Tên** **chủ đơn (chủ sở hữu giống cây trồng):**

……………....................................................................................................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................................

Địa chỉ *(liên hệ khi cần)*: ...............................................................................................

Số CMND, CCCD, Hộ chiếu *(chủ đơn là cá nhân)* : ......... Ngày cấp:....... Nơi cấp.....

Điện thoại: ..............................................................................................................

Fax: ........................................... E-mail: ..................................................................

**2. Tên đại diện của chủ đơn (trường hợp nộp đơn qua đại diện):**

..............................................................................................................................................

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax: ........................................... E-mail: ..................................................................

**3.** **Tên loài** **cây trồng** (*Viết bằng tiếng Việt và tên La tinh*): …………………………….

**5.** **Tác giả của giống đăng ký bảo hộ:**

a. Tác giả chính: ............................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................

Điện thoại: ..............................................................................................................

Fax: ........................................... E-mail: ..................................................................

b. Đồng tác giả *(Lập danh sách: họ và tên, quốc tịch, địa chỉ, điện thoai, fax, email)*

**6.** **Địa điểm chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống** **đăng ký bảo hộ** (*ghi rõ tên cơ quan, địa chỉ hoặc địa điểm*): ......................................................................................

**7. Giống đăng ký bảo hộ được chuyển nhượng cho chủ đơn thông qua hình thức sau:**

[ ] hợp đồng chuyển nhượng ................................................................................

[ ] thừa kế ..............................................................................................................

[ ] hình thức khác .................................................................................................

**8. Các đơn đã nộp liên quan đến quyền đối với giống đăng ký bảo hộ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hình thức bảo hộ | Nơi nộp đơn  (quốc gia/vùng lãnh thổ) | Số đơn | Tình trạng đơn | Tên giống  ghi trong đơn |
| - Bảo hộ theo UPOV |  |  |  |  |
| - Sáng chế (Patent) |  |  |  |  |
| -Khác |  |  |  |  |

**9. Đơn đề nghị hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn đầu tiên nộp tại:** ………..

Ngày........tháng ..........năm ........... với tên giống là: .......................................................

**10. Tính mới về thương mại**

a) Giống đã được kinh doanh trên thị trường Việt Nam: chưa bán [ ], bán lần đầu tiên [ ] vào ngày ... tháng ... năm ............với tên giống là ………………………………………..

b) Giống đã được kinh doanh ở nước ngoài chưa bán [ ], bán lần đầu tiên [ ] từ ngày..................... tại ........................................ với tên giống là …………………………

**11. Khảo nghiệm kỹ thuật (khảo nghiệm DUS)**

a) Đã thực hiện:.................................................................................................................. ..

- Tổ chức, cá nhân thực hiện:

- Thời gian thực hiện: vụ/năm:.............................................................................................

- Địa điểm thực hiện:...........................................................................................................

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS:..................................................................................

- Đề nghị:..............................................................................................................................

b) Đang thực hiện:............................................................................................................ ..

- Tổ chức, cá nhân thực hiện:...............................................................................................

- Thời gian thực hiện:............................................................................................................

- Địa điểm thực hiện:...........................................................................................................

- Đề nghị: ............................................................................................................................

c) Chưa thực hiện:.................................................................................................................

- Đề nghị hình thức khảo nghiệm DUS:

**12. Vật liệu nhân của giống đăng ký bảo hộ**

a) Chúng tôi cam đoan các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn này là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn.

b) Chúng tôi đồng ý để Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới sử dụng các thông tin cần thiết và vật liệu nhân giống trao đổi với các cơ quan liên quan có thẩm quyền của các nước thành viên UPOV, với điều kiện là quyền của chúng tôi được bảo đảm.

**13. Các tài liệu có trong đơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần xác nhận của chủ đơn** | | | **Kiểm tra danh mục tài liệu**  ***(Dành cho cán bộ nhận đơn)*** | |
| a | Tờ khai đăng ký BHGCT gồm: trang x bản | □ |  | □ |
| b | Tờ khai kỹ thuật gồm trang x bản | □ |  | □ |
| c | Ảnh mô tả giống gồm: ảnh | □ |  | □ |
| d | Tài liệu chứng minh quyền đăng ký | □ |  | □ |
| đ | Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên | □ |  | □ |
| e | Giấy ủy quyền | □ |  | □ |
| f | Chứng từ nộp phí nộp đơn | □ |  | □ |
| g | Chứng từ nộp phí xin hưởng quyền ưu tiên | □ |  | □ |
| h | Tài liệu khác (nếu có) gồm: trang x bản | □ |  | □ |

**14.** **Cam kết của chủ đơn:** Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Khai tại:*……….*ngày…… tháng……năm……*

Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn

*(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

**Phụ lục 5**

**MẪU THÔNG BÁO CHẤP NHẬN ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC TRỒNG TRỌT** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TB-TT-VPBH | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

Kính gửi: ................................................................................

*Căn cứ Quyết định số ................................. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;*

*Căn cứ Điều ..................................... Luật Sở hữu trí tuệ;Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ.*

*Căn cứ kết quả thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng;*

Cục Trồng trọt thông báo:

1. Chấp nhận Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới nộp ngày tháng năm tại Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới - Cục Trồng trọt:

Tên giống đăng ký bảo hộ:

Loài cây trồng:

Số đơn:

Chủ đơn (chủ sở hữu giống cây trồng):

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

Tác giả chính giống cây trồng:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

Đại diện của chủ đơn (trường hợp nộp đơn qua đại diện):

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Đơn nói trên được chấp nhận là đơn hợp lệ từ ngày:

3. Ghi nhận tạm thời với tên giống đăng ký bảo hộ là:

4. Được hưởng quyền ưu tiên theo đơn đầu tiên số: ............... Nộp tại: ...................... Ngày ..................

5. Hình thức khảo nghiệm kỹ thuật (1 trong 4 hình thức sau):

- Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS được chỉ định thực hiện: □

- Tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ được phép tự khảo nghiệm DUS: □

- Sử dụng số liệu khảo nghiệm đã có: □

- Hợp đồng với nước thành viên UPOV: □

6. Thông báo này được công bố trên website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng và Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vòng 90 ngày từ ngày chấp nhận./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Như trên;  - Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS được chỉ định;  - Lưu: VT, VPBH. |  | **CỤC TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 6**

**MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  **YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ**  **BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**  Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới  Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | DẤU NHẬN ĐƠN  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **CHỦ ĐƠN**  (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ)  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | | | | |
| **ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN**  là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn  là tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được uỷ quyền của chủ đơn  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại: Fax: E-mail: | | | | |
| **ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  Tên giống cây trồng đăng ký bảo hộ: | | | | Số đơn: |
| **NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  Tên chủ đơn/tác giả giống/ người đại diện  Địa chỉ của chủ đơn/tác giá giống/ người đại diện  Tên giống  Nội dung khác: | **Đề nghị sửa lại thành:**  Tên chủ đơn/tác giả giống/ người đại diện  Địa chỉ của chủ đơn/tác giá giống/ người đại diện  Tên giống  Nội dung khác: | | | |
| **Lý do yêu cầu sửa đổi......** | | | | |
|  |  | | | |
| **CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai, gồm…….trang  Tài liệu xác nhận việc sửa đổi hợp pháp, bằng tiếng…….  Bản dịch tiếng Việt, gồm …….trang  Giấy uỷ quyền  Chứng từ phí, lệ phí  Tài liệu khác, cụ thể: | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | | |
| **CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN**  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại:*……….*ngày…… tháng……năm……*  Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn  *(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)* | | | | |

**Phụ lục 7**

**MẪU GIẤY UỶ QUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY UỶ QUYỀN**

**1. Bên uỷ quyền** (chủ đơn)

Tên (tổ chức, cá nhân):

Số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp: Ngày còn giá trị: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

**2. Bên được uỷ quyền** (đại diện của chủ đơn)

Tên (tổ chức, cá nhân):

Số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp: Ngày còn giá trị: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

**3. Nội dung uỷ quyền** (Phạm vi, khối lượng công việc được uỷ quyền)

**4. Thời hạn uỷ quyền**

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin trong giấy uỷ quyền là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện bên uỷ quyền**  *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu, nếu có)* | **Đại diện bên được uỷ quyền**  *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu, nếu có)* |

**Phụ lục 8**

**MẪU BẢN KÊ KHAI CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC TỰ KHẢO NGHIỆM DUS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.........., ngày tháng năm*

**BẢN KÊ KHAI CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC TỰ KHẢO NGHIỆM DUS**

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/ Chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

3. Tên giống cây trồng đăng ký khảo nghiệm: thuộc loài cây trồng:

4. Điều kiện thực hiện khảo nghiệm:

4.1. Đất đai

- Địa điểm.

- Diện tích (m2)

- Tình trạng pháp lý của đất (được cấp, thuê..)

- Địa hình (dốc đồi núi, đồng bằng, ven biển... )

- Loại đất, thành phần cơ giới (đất ruộng, đất bãi, đất đồi.. )

- Nhà lưới, nhà kính (diện tích, trang thiết bị ...):

- Tưới tiêu (tự chảy, phun mưa, nhỏ giọt... )

4.2.Trang thiết bị phân tích các chỉ tiêu theo yêu cầu khảo nghiệm:

a) Trường hợp tự phân tích:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thiết bị | Số lượng | Tình trạng hoạt động | Chỉ tiêu phân tích |
|  |  |  |  |  |

b) Trường hợp hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác *(Hợp đồng số ngày tháng năm )*

4.3. Nhân viên kỹ thuật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Thời gian  công tác | Chuyên môn | Chứng chỉ đào tạo |
|  |  |  |  |  |

4.3. Các giống tương tự với giống đăng ký khảo nghiệm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên giống | Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu | Các tính trạng khác biệt với giống đăng ký bảo hộ | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |

4.5. Các tài liệu khác (nếu có)

5. Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 9**

**MẪU KẾ HOẠCH KHẢO NGHIỆM DUS**

**DO NGƯỜI NỘP ĐƠN THỰC HIỆN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.*

*........., ngày tháng năm*

**KẾ HOẠCH KHẢO NGHIỆM DUS**

**DO NGƯỜI NỘP ĐƠN THỰC HIỆN**

1. Tên tổ chức, cá nhân lập kế hoạch:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/ Chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

3. Tên giống cây trồng đăng ký khảo nghiệm: thuộc loài cây trồng:

4. Kế hoạch khảo nghiệm:

4.1. Thời vụ:

Vụ: Ngày gieo: Ngày trồng:

4.2. Đất đai

- Địa điểm:

- Diện tích (m2):

4.3. Giống đối chứng: Số giống: Tên từng giống

4.4. Sơ đồ bố trí thí nghiệm

4.5. Quy phạm khảo nghiệm DUS (theo QCVN hoặc UPOV)

4.6. Kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc (theo QCVN, TCCS)

4.7. Cán bộ khảo nghiệm (họ và tên):

4.8. Thông tin khác (nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 10**

**MẪU BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH/KIỂM TRA**

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN/NGƯỜI NỘP ĐƠN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM DUS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*...., ngày tháng năm*

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH/KIỂM TRA**

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN/NGƯỜI NỘP ĐƠN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM DUS**

Tên tổ chức, cá nhân/người nộp đơn:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Họ và tên các cán bộ thẩm định/kiểm tra:

Tên loài cây trồng đăng ký chỉ định/được chỉ định/giống cây trồng được tự khảo nghiệm:

I. Nội dung kiểm tra:

1. Sự phù hợp với các điều kiện được khảo nghiệm;

2. Sự phù hợp của thí nghiệm khảo nghiệm với quy phạm khảo nghiệm DUS;

3. Hồ sơ, kết quả khảo nghiệm.

4. Thông tin khác

II. Kết quả thẩm định/kiểm tra:

III. Các sai lỗi được phát hiện:

IV. Các hành động khắc phục phải thực hiện:

V. Kết luận (nêu rõ thời gian phải gửi báo cáo khắc phục):

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHẢO NGHIỆM**  **(Ký và ghi rõ họ tên)** | **ĐOÀN THẨM ĐỊNH/KIỂM TRA**  **(Ký và ghi rõ họ tên)** |

**Phụ lục 11**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm)**  **Số:** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS**

1. Tên loài cây trồng:

2. Tên giống đăng ký bảo hộ:

3. Tên gọi khác của giống (nếu có):

4. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ:

5. Số đơn:

6. Vụ khảo nghiệm:

Vụ 1: Ngày gieo: Ngày trồng: Ngày thu hoạch:

Vụ 2: Ngày gieo: Ngày trồng: Ngày thu hoạch:

7. Cơ quan khảo nghiệm

- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

- Cán bộ khảo nghiệm:

8. Tài liệu kèm theo:

- Danh sách giống đối chứng:

- Bảng mô tả giống: Giống đăng ký và … giống tương tự.

- Ảnh về các tính trạng khác biệt:

- Các tài liệu khác:

9. Quy trình khảo nghiệm:

a) Điều kiện thí nghiệm (đồng ruộng/nhà lưới)

b) Điều kiện đất (tưới tiêu, độ phì, cây trồng vụ trước…)

c) Phân bón:

- Lượng bón (kg/ha):

- Cách bón: (Bón lót, bón thúc)

d) Kích thước ô và số cây thí nghiệm

- Kích thước ô thí nghiệm:

- Số cây/ô:

e) Phòng trừ sâu bệnh:

- Số lần dùng thuốc BVTV:

- Loại thuốc đã sử dụng:

10. Nhận xét về điều kiện thời tiết trong quá trình làm thí nghiệm

11. Giống tương tự (số giống, tên giống):

12. Kết quả đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định:

a) Tính khác biệt:

- Giống đăng ký khác biệt rõ ràng và chắc chắn với các giống được biết đến rộng rãi. Sự khác biệt với giống tương tự nhất thể hiện như sau:

**So với với giống tương tự …….. (tên giống)……**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tính trạng** | | **Vụ/năm** | **Giống đăng ký** | **Giống tương tụ** | **Khoảng cách tối thiểu/LSD0.05** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

b) Tính đồng nhất:

Số cây khác dạng /tổng số cây quan sát là: không vượt quá số cây khác dạng tối đa cho phép …………. Nên giống đăng ký có tính đồng nhất.

c) Tính ổn định:

d) Tài liệu kèm theo báo cáo gồm:

- Bản mô tả giống đăng ký khảo nghiệm: số trang:

- Bản mô tả giống tương tự (nếu có): số trang:

- Ảnh chụp (nếu có):

|  |  |
| --- | --- |
| Cán bộ khảo nghiệm  ( Họ tên, chữ ký) |  |
| Người kiểm tra  ( Họ tên, chữ ký) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi gửi****:*  - Văn phòng BHGCT;  - Tổ chưc, cá nhân có giống khảo nghiệm;  - Lưu: | **Đại diện tổ chức, cá nhân khảo nghiệm**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 12**

**MẪU BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

****

**Phụ lục 13**

**MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BNNPTNT*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  **YÊU CẦU SỬA ĐỔI BẰNG BẢO HỘ**  **GIỐNG CÂY TRỒNG**  Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới  Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | DẤU NHẬN ĐƠN  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* |
| **CHỦ ĐƠN**  (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi bằng bảo hộ)  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | | | |
| **ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN**  là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn  là tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được uỷ quyền của chủ đơn  Tên đầy đủ:  Địa chỉ:  Điện thoại: Fax: E-mail: | | | |
| **BẰNG BẢO HỘ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI**  Tên giống cây trồng: | | Số bằng bảo hộ: | |
| **THÔNG TIN CẦN SỬA ĐỔI**  Tên của chủ bằng bảo hộ  Địa chỉ của chủ bằng bảo hộ | | | |
| **CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**    Tờ khai, gồm…….trang x …….bản  Bản sao quyết định đổi tên, địa chỉ hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh  Tài liệu pháp lý khác chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ của chủ bằng Bảo hộ  Giấy uỷ quyền  Chứng từ phí, lệ phí | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | | |
| **CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN**  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  Khai tại: … ngày … tháng … năm …  Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn  *(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)* | | | |